

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÂU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án

**NHÀ MÁY XỬ LÝ NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH
CẨM CHÂU – CAO LÃNH**

**Địa điểm: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp**

Cao Lãnh, tháng 09 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÂU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của dự án
NHÀ MÁY XỬ LÝ NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH
CẨM CHÂU – CAO LÃNH**

Địa điểm: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh
Đồng Tháp

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÂU**



Cao Lãnh, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư	1
1.2. Tên dự án đầu tư	1
1.3. Vốn đầu tư, công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
1.3.1. Vốn đầu tư, công suất hoạt động của cơ sở	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án	2
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	3
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	3
1.4.1. Trong giai đoạn xây dựng	3
1.4.2. Trong giai đoạn hoạt động	4
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	5
1.5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án	5
1.5.2. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án	6
1.5.3. Tổng mức đầu tư	6
1.5.4. Tiến độ thực hiện Dự án	6
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	7
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	7
CHƯƠNG III. HIỆN MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	8
3.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường	8
3.1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật	8
3.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án	9
3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	9
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	11
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công	

xây dựng dự án.....	11
4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	11
4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	14
4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	16
4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	19
4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	20
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	24
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	24
4.2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	32
4.2.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	38
4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	41
4.2.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	43
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	46
4.3.1. Dự toán kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường.....	46
4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	47
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	48
4.4.1. Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo.....	48
4.4.2. Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	48
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	50
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	50
5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	50
5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	50
5.1.3. Dòng nước thải.....	50
5.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	50
5.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	51
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	51
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	51
5.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	52
5.4.1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh:.....	52
5.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	52
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỦ NGHĨEM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ	

CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 54

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư 54

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật..... 54

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 54

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải..... 54

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án..... 55

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm..... 56

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 57

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TPNH	: Thành phần nguy hại
UBND	: Ủy ban Nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1 Bảng thống kê nguyên, vật liệu sử dụng.....	4
Bảng 1. 2 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho quá trình hoạt động	4
Bảng 1. 3 Các hạng mục công trình của dự án.....	5
Bảng 3. 1 Thống kê số điểm quan trắc bị ô nhiễm trên địa bàn huyện Cao Lãnh	8
Bảng 4. 1 Hệ số các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	12
Bảng 4. 2 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	12
Bảng 4. 3 Hệ số và tải lượng ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO.....	18
Bảng 4. 4 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do phương tiện vận chuyển.....	18
Bảng 4. 5 Thành phần nước mưa chảy tràn.....	25
Bảng 4. 6 Thành phần và tính chất nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý).....	26
Bảng 4. 7 Các tác hại của các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường	27
Bảng 4. 8 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	29
Bảng 4. 9 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án	29
Bảng 4. 10 Thống kê khối lượng CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) trong giai đoạn hoạt động.....	35
Bảng 4. 11 Thông tin các thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt, thông thường.....	36
Bảng 4. 12 Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình lưu chứa chất thải nguy hại	37
Bảng 4. 13 Hệ số và tải lượng ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO.....	38
Bảng 4. 14 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do phương tiện vận chuyển.....	39
Bảng 4. 15 Tóm tắt dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	46
Bảng 4. 16 Mức độ tin cậy của các đánh giá.....	48
Bảng 5. 1 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải	50
Bảng 6. 1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án.....	55
Bảng 6. 2 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	56

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1 Sơ đồ quy trình sản xuất	2
Hình 1. 2 Vị trí dự án.....	5
Hình 4. 1 Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn dự án.....	28
Hình 4. 2 Sơ đồ thoát nước thải của dự án	29
Hình 4. 3 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.	31
Hình 4. 4 Sơ đồ thu gom CTNH.....	37

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÂU

- Địa chỉ văn phòng: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện: Trương Cẩm Châu Chức danh: Giám đốc

- Điện thoại: 0932 999 555

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402074490 đăng ký lần đầu ngày 7/8/2017 do phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6574152720 chứng nhận lần đầu ngày 11/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2. Tên dự án đầu tư

NHÀ MÁY XỬ LÝ NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH CẨM CHÂU – CAO LÃNH

- Địa điểm dự án: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): thuộc nhóm C.

+ Diện tích: 3.575 m².

+ Công suất: 10.000 tấn trái cây/năm.

+ Vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng.

Dự án “Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu – Cao Lãnh” của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu được đầu tư trên mặt bằng có tổng diện tích 3.575 m², tọa lạc tại Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CT06756 ngày 29/5/2019).

1.3. Vốn đầu tư, công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Vốn đầu tư, công suất hoạt động của cơ sở

➤ Vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng.

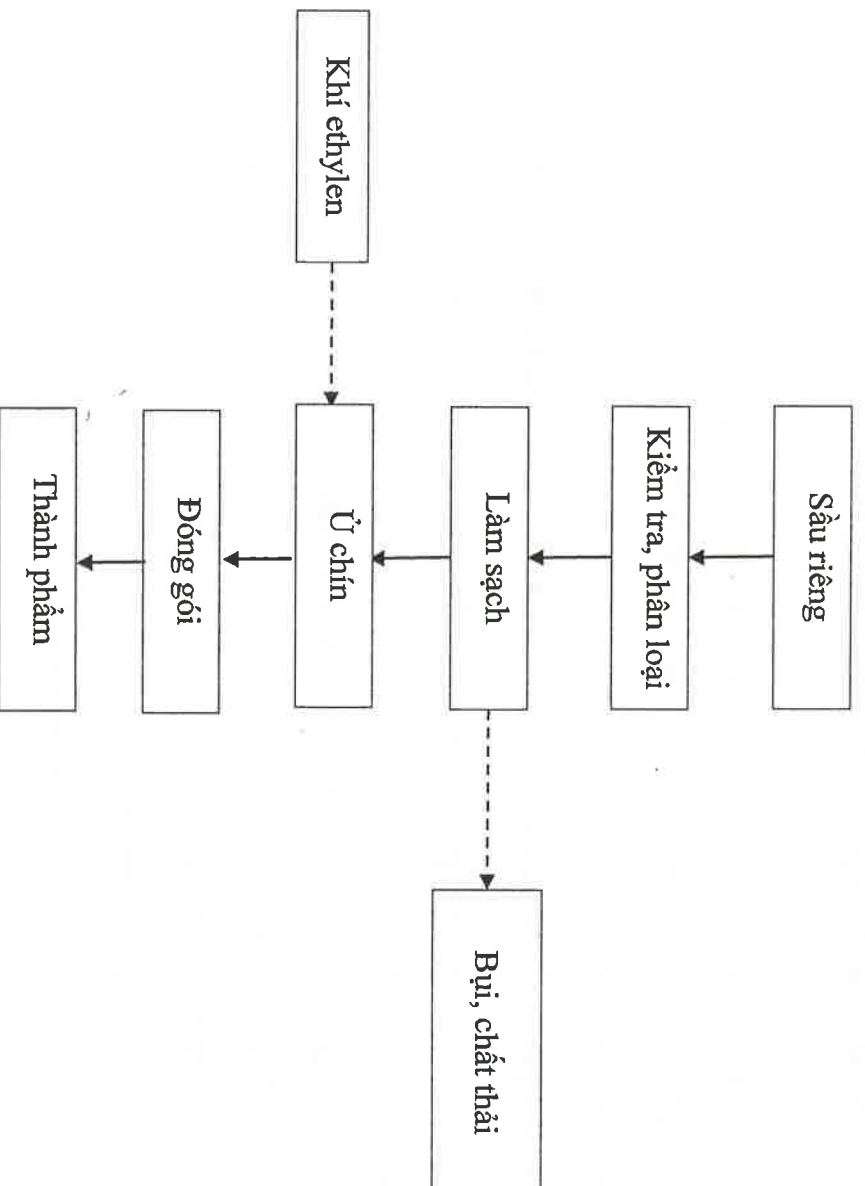
➤ Công suất:

Dự án hoạt động lĩnh vực mua bán, chế biến trái cây.

Sản phẩm: 10.000 tấn/năm (sầu riêng).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Quy trình sản xuất tại dự án:



Hình 1. 1 Sơ đồ quy trình sản xuất

+ Thuyết minh quy trình:

Các lô trái cây tươi (sầu riêng) được kiểm tra, phân loại theo các tiêu chuẩn đầu vào của dự án để phân ra hàng loại 1, loại 2, loại 3.

Sau đó, trái cây được làm sạch bằng máy xịt bụi nhằm loại bỏ bụi bẩn, tạp chất

và côn trùng.

Bước tiếp theo, trái cây tươi được đưa vào phòng kín để ủ chín. Sử dụng khí ethylen ngoại sinh để dẫn vào phòng kín có chứa quả sầu riêng để rấm chín với nồng độ khí ethylene là 200 ppm, thời gian xông là 24 giờ. Quả sẽ chín đồng đều sau 2 ngày với giá trị cảm quan cao, tỷ lệ ăn được 31-35%, hàm lượng tổng chất rắn hòa tan 31-32 °Brix và các thành phần sinh hóa khác đạt giá trị tối ưu. Với phương pháp này quả sẽ không tiếp xúc trực tiếp với ethephon.

Các trái cây sau khi được ủ chín sẽ được đưa qua khu đóng gói thành phẩm để thực hiện các bước: phân loại và đóng gói trái cây theo các yêu cầu của khách hàng và theo các tiêu chuẩn của cơ sở.

- Các nguồn phát sinh chất thải bao gồm:
 - Nước thải từ nhân viên;
 - Chất thải thông thường và chất thải nguy hại từ hoạt động vận hành.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở hoạt động lĩnh vực mua bán, chế biến trái cây.

Sản phẩm: 10.000 tấn/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Nguyên vật liệu: Dự án được thực hiện trên mặt bằng có công trình nhà xưởng hiện hữu, do đó chỉ tiến hành lắp đặt các máy móc thiết bị cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Ước tính khối lượng thiết bị cần vận chuyển khoảng 9 tấn.
- Nhân công lao động: 5 người
- Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt khoảng 0,225 m³/ngày (45 L/người.ca × 5 người = 0,225 m³/ngày)
- Nhu cầu sử dụng điện ước tính khoảng 200K Wh/tháng

1.4.2. Trong giai đoạn hoạt động

Bảng 1. 1 Bảng thống kê nguyên, vật liệu sử dụng

STT	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Trái cây (sầu riêng)	Tấn/năm	10.000
2	Sọt đựng trái cây	Tấn/năm	2,4
3	Túi Nilong, thùng carton, nhãn mác	Tấn/năm	0,6
4	Khí ethylene	m ³ /năm	1,45

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

- Nguồn nước: sử dụng nước thủy cục. Sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt khoảng 0,45 m³/ngày (45 L/người.ca × 10 người = 0,45 m³/ngày)

Trong quá trình hoạt động của dự án không sử dụng lượng nước cho công tác phòng cháy chữa cháy. Công tác PCCC của dự án là trang bị thiết bị PCCC như bình chữa cháy.

Trong tổng lưu lượng nước cấp cho dự án, lượng nước thải phát sinh lấy bằng 100% lượng nước cấp. Lượng nước thải phát sinh tương ứng là 0,45m³/ngày.

- Nguồn điện: được lấy từ lưới điện Quốc gia. Nhu cầu sử dụng điện ước tính khoảng 1000 KWh/tháng.

Bảng 1. 2 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho quá trình hoạt động

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ
1.	Máy xịt bụi	02 bộ	Châu Á
2.	Thiết bị kiểm soát thời gian, nồng độ khí ethylene	01 bộ	Châu Á
3.	Hệ thống máy tính và phần mềm ghi, in dữ liệu kết nối với buồng xử lý.	01 bộ	Châu Á
4.	Trang thiết bị phụ trợ khác đầy đủ: Khay đựng quả, pallets, xe nâng tay, xe nâng, cân điện tử, đèn bàn, cân	-	Châu Á

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án

Vị trí của cơ sở có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đường nội bộ;
- Phía Tây: giáp đường ĐL 1.
- Phía Đông: giáp đường Lê Thánh Tôn
- Phía Nam: giáp đường nội bộ;



Hình 1.2 Vị trí dự án

✦ Quỹ mô xây dựng của dự án

Tổng diện tích của dư án: 3.575 m²

Bảng 1.3 Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Văn phòng làm việc	101	2,83
2	Khu sản xuất	1.200	33,57

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
3	Nhà bảo vệ	25	0,70
4	Khu vệ sinh	25	0,70
5	Kho chứa chất thải (sinh hoạt, thông thường, nguy hại)	10	0,28
6	Sân bãi, đường nội bộ	2.214	61,93
Tổng		3.575	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

1.5.2. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án

Tổng số lao động tại dự án là 10 người nhằm thực hiện các công việc kinh doanh trái cây.

- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca.
- Số ngày làm việc trong năm: 360 ngày.

1.5.3. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư để thực hiện cho Dự án là 10.000.000.000 đồng, chi phí này được lấy nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu.

1.5.4. Tiến độ thực hiện Dự án

Tiến độ thực hiện đầu tư Dự án dự kiến trong thời gian khoảng 10/2024 – 12/2024, cụ thể như sau:

- Tháng 10-11/2024: Hoàn tất các thủ tục pháp lý về môi trường và xây dựng.
- Tháng 12/2024: Lắp đặt máy móc thiết bị cho dự án.
- Tháng 12/2024: Đi vào hoạt động.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tính đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, do đó báo cáo chưa có căn cứ để đánh giá sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch trên.

Dự án đầu tư "Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu – Cao Lãnh" của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện hoàn toàn phù hợp với Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 372/2020 NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2021-2025).

Dự án phù hợp theo Nghị quyết số 207/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, dự án phù hợp với nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 được thoát ra cống thoát nước khu vực. Vì vậy, cơ sở hoàn toàn phù hợp với môi trường nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG III. HIỆN MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1 Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

3.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Chất lượng môi trường xung quanh dự án rất tốt và không có dấu hiệu ô nhiễm.

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Đồng Tháp năm 2023, các điểm quan trắc bị ô nhiễm trên địa bàn huyện Cao Lãnh như sau:

Bảng 3. 1 Thống kê số điểm quan trắc bị ô nhiễm trên địa bàn huyện Cao Lãnh

Thành phần môi trường	Số điểm quan trắc	Số điểm ô nhiễm	Vị trí ô nhiễm	Thông số ô nhiễm
Không khí	2	0	-	-
Nước mặt tự nhiên	3	3	1. DT_NM24: Tại cầu Phong Mỹ, kênh Nguyễn Văn Tiếp, xã Phong Mỹ 2. DT_NM25: Nhánh sông Tiền tại bến đò Mương Điều -Mỹ Xương, xã Mỹ Xương 3. DT_NM26: Ngã ba Sông Cái Nhỏ, khu vực bến đò sông Cái Nhỏ, xã Mỹ Hiệp	BOD ₅ , TSS, <i>E.coli</i> , <i>Coliforms</i>
Trầm tích				
Đất	1	0		
Cụm giếng khoan	1	1	1. QT-BST8	<i>E.coli</i> , <i>Coliforms</i>

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

3.1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Dự án được thực hiện tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh. Khu vực dự án giáp đường nội bộ nên chủ yếu là đất thổ cư nên hệ sinh thái tại đây không phong phú, cụ thể:

❖ Hiện trạng thảm thực vật

Thành phần các loài thực vật ở đây phụ thuộc chủ yếu vào tình hình sử dụng đất: phần lớn trồng các loại cây cảnh và cây ăn trái: chanh, ổi, mít, xoài, thanh long, đu đủ...

❖ Hệ động vật

Xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật quý hiếm nằm trong danh mục các loài động, thực vật cần bảo vệ của Việt Nam theo thông tư 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Hiện tại trong vùng dự án, ngoài các vật nuôi trong gia đình như heo, gà, vịt... còn có các loài lưỡng thể (ếch, nhái), bò sát (rắn, rắn mối...), chim thông thường, không thuộc các loài động vật quý hiếm.

❖ Hệ sinh thái dưới nước

- Nhóm cá sông (cá trắng): Nhóm này bao gồm nhiều loài cá nước ngọt có cỡ lớn nhỏ khác nhau, có nhiều vây hoặc không có vây, thân có màu trắng như: Cá chép (*Cyprinus*), cá tra (*Pangasius*), cá mè (*Osteochilus*).
- Nhóm cá ruộng (cá đen): một số loài cá đen như cá trê, cá lóc, cá rô thuộc nhóm cá đen vốn sinh sống trong các ruộng lúa và vùng trũng kế cận sông.
- Ngoài ra, còn có một số loài cá nhập nội như cá rô phi (*Oreochromis mossambicus*, *O. niloticus*), cá tai tượng (*Osphronemus goramy*), cá mè trắng (*Aristichthys*).

3.2 Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 được thoát ra cống thoát nước khu vực.

3.3 Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Với các dữ liệu đánh giá bên trên cho thấy chất lượng môi trường dự án khá tốt,

chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Trong giai đoạn này, dự án chỉ thực hiện vận chuyển một số thiết bị, máy móc trong khoảng 10 ngày.

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

4.1.1.1. Đánh giá tác động

a. Nước mưa chảy tràn

Tổng lượng nước mưa từ khu vực dự án được tính theo TCVN 7957:2008 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài, cụ thể theo công thức sau:

$$Q = \varphi \times q \times F$$

Trong đó:

+ Q: lưu lượng nước mưa chảy tràn (m³)

+ φ : hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ của lưu vực tính toán, $\varphi = 0,8$ đối với mái nhà, mặt phủ bê tông

+ F: diện tích lưu vực tính toán, $F = 3.575 \text{ m}^2$

+ q: cường độ mưa (mm/ngày).

$$Q = 0,8 \times 330,6/15 \times 1/1000 \times 3.575 = 63,03 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Trong giai đoạn thi công dự án, nước mưa cuốn trôi các chất thải rắn rơi vãi làm bồi lấp, tắt nghẽn dòng chảy, cống thoát nước trong khu vực dự án và gây ô nhiễm cống thoát nước gần khu vực dự án.

Chủ dự án sẽ có những biện pháp về quản lý tổ chức thi công cũng như hạn chế tác động của nước mưa chảy tràn đến khu vực môi trường dự án.

b. Nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn xây dựng các bể chứa nước thải, mỗi ngày có khoảng 5 công nhân làm việc, với định mức cấp nước khoảng 45 lít/người/ngày thì lượng nước cấp sử

dùng là 0,225 m³/ngày. Lượng nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp.

Hệ số ô nhiễm của nước thải sinh hoạt trong trường hợp chưa qua xử lý theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993) thống kê đối với một số quốc gia đang phát triển về khối lượng chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường, tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm được tính như sau:

Bảng 4. 1 Hệ số các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người.ngày)
1	BOD ₅	45 – 54
2	COD	72 – 102
3	TSS	70 – 145
4	Dầu mỡ ĐTV	10 – 30
5	Amoni	2,4 – 4,8
6	Tổng N	6 – 12
7	Tổng P	0,8 – 4,0
8	Coliform	10 ⁶ – 10 ⁹

(Nguồn: WHO, *Rapid Environmental Assessment*, 1993)

- Tải lượng ô nhiễm (g/ngày)=Hệ số ô nhiễm(g/người.ngày) x Số công nhân (người)
- Nồng độ ô nhiễm (mg/l) = Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) x 1.000/Lưu lượng thải (lít)

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính toán trong bảng sau:

Bảng 4. 2 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT – Cột A
1	BOD ₅	450-540	100-1200	30

2	COD	720-1020	1600-2267	-
3	TSS	700-1450	1556-3222	50
4	Dầu mỡ ĐTV	100-300	222-667	10
5	Amoni	24-48	53-107	5
6	Tổng N	60-120	133-267	-
7	Tổng P	8-40	18-89	-
8	Colifom	$10^7 - 10^{10}$	$45.10^5 - 45.10^8$	3.000

Nhận xét:

Kết quả tính toán nồng độ của các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý cho thấy tất cả chỉ tiêu đều vượt quá giới hạn tại QCVN 14:2008/BTNMT – Cột A, vì vậy nếu không có biện pháp thu gom và xử lý triệt để sẽ gây ô nhiễm môi trường khu vực dự án.

c. Nước thải xây dựng: không phát sinh

4.1.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Nước mưa chảy tràn

Khu vực dự án đã có hạ tầng nhà xưởng cơ bản và hệ thống thoát nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tách riêng.

Nước mưa từ trên mái: Được thu gom bằng các máng thu nước ở bên mái của xưởng, sau đó nước mưa sẽ theo ống dẫn uPVC DN150 dẫn xuống để thoát ra cống thoát nước khu vực.

Đồng thời, dự án cũng phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường trên bề mặt sân đường nội bộ để hạn chế ảnh hưởng, gây ô nhiễm cho nguồn nước mưa chảy tràn.

Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo có độ dốc tự chảy, thoát ra ngoài công trình nhanh nhất.

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng đường ống uPVC DN150, dài 20m, độ dốc tối thiểu $i = 1\%$ sau đó thoát nước mưa ra cống thoát nước khu vực.

b. Nước thải

Giai đoạn chưa đi vào hoạt động nên nước thải phát sinh là nước thải sinh hoạt của nhân công tham gia công tác lắp đặt, bố trí trang thiết bị cho dự án.

Theo tính toán ở trên, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khoảng $0,225 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Hiện dự án đã có mặt bằng nhà xưởng hiện hữu, bên trong đã bố trí nhà vệ sinh và xây dựng 02 bể tự hoại (*thể tích $3 \text{ m}^3/\text{bể}$*). Do đó, trong giai đoạn này sẽ sử dụng nhà vệ sinh của dự án phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân công. Nước thải sau khi qua bể tự hoại đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.

Bùn thải từ bể tự hoại sẽ được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

4.1.2.1. Đánh giá tác động

➤ Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, ăn uống sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường. Với số lượng công nhân làm việc tại công trường là 5 người, hệ số phát thải rác sinh hoạt khoảng $0,5 \text{ kg/người.ngày}$ thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong thời gian thi công khoảng $2,5 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu có chứa 70 – 80% chất hữu cơ và 20 – 30% các chất khác.

Mặc dù khối lượng rác phát sinh nhỏ, nhưng nếu không có biện pháp thu gom và xử lý kịp thời sẽ gây tích tụ, phân hủy yếm khí làm ô nhiễm môi trường sinh thái khu vực dự án.

➤ Chất thải rắn xây dựng

Phát sinh rất ít, chủ yếu là bao bì của các thiết bị máy móc được vận chuyển về dự án. Các loại CTR xây dựng phát sinh trong quá trình thi công nếu không được thu

gom, phân loại và bố trí hợp lý sẽ gây ra các ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh như đất, nước...

Trong môi trường đất, các chất thải có kích thước và khối lượng lớn làm nén chặt đất, cản trở môi trường sống của sinh vật, đồng thời tạo các chướng ngại vật có thể gây tai nạn cho con người.

➤ *Chất thải nguy hại*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, dầu nhớt thải khoảng 1kg với các thành phần độc tố nguy hại, nếu không được thu gom, quản lý và xử lý hiệu quả, các loại chất thải nguy hại trên có khả năng gây ô nhiễm môi trường đất, nước mặt, nước ngầm nghiêm trọng

4.1.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a. Rác sinh hoạt

Như đã trình bày, khối lượng CTR sinh hoạt từ hoạt động ăn uống của nhân công tại khu vực dự án trong thời gian thi công.

Các chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này sẽ được thu gom và lưu chứa tại kho chất thải sinh hoạt của dự án. Khu vực lưu chứa CTR tập trung có diện tích 2 m² nằm ở phía Bắc của nhà xưởng để lưu chứa tạm trong thời gian chờ đơn vị thu gom đến thu gom và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 01 lần/ngày. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng chứa loại 120L có nắp đậy kín gồm 01 thùng đựng chất thải hữu cơ để phân hủy, 01 thùng đựng chất thải còn lại và 01 thùng đựng chất thải có khả năng tái chế. Các thùng chứa được phân biệt bằng màu sắc hoặc bằng hình ảnh kèm chữ viết.

Đối với các loại thùng giấy carton có kích thước lớn sẽ được công nhân xếp gọn gàng và để tập trung tại một góc để tiện cho công tác thu gom hoặc có thể tái sử dụng.

Cuối ngày, các thùng chứa được đưa về khu vực tập kết tạm đặt gần cổng ra vào để tiện cho xe đến thu gom và vận chuyển. Lượng rác này được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đồng thời, thường xuyên nhắc nhở nhân công đổ rác đúng nơi quy định, không ăn uống và vứt rác bừa bãi ngoài lề đường, vỉa hè gây mất an ninh trật tự và mỹ quan đô thị.

b. Chất thải xây dựng

Phát sinh rất ít, chủ yếu là bao bì của các thiết bị máy móc được vận chuyển về dự án. Các chất thải phát sinh trong giai đoạn này sẽ được thu gom và lưu chứa tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất tập trung có diện tích 3m² nằm ở phía Bắc của nhà xưởng có bố trí 03 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy kín và có thể tích khoảng từ 120L.

- Khu vực lưu giữ được che chắn, cao ráo, có rãnh thoát nước xung quanh tránh ngập úng.
- Bố trí công nhân thu gom chất thải rắn thi công rơi vãi trên công trường để tập trung và tái sử dụng hoặc chuyển cho đơn vị có nhu cầu.

c. Chất thải nguy hại

Trong giai đoạn xây dựng, lượng phát sinh tương đối ít. Vì vậy thời gian lưu chứa CTNH tại giai đoạn này không lâu.

Chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ tại kho chứa CTNH của dự án để lưu chứa tạm; diện tích kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m² nằm ở phía Bắc nhà xưởng, được xây dựng bằng BTCT có bố trí các thùng rác loại 120L, phân loại và dán nhãn CTNH.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển CTNH đi xử lý theo đúng quy định.

4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

4.1.3.1. Đánh giá tác động

➤ *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển máy móc thiết bị*

Với tổng thời gian thi công lắp đặt máy móc thiết bị dự kiến khoảng 10 ngày, thời gian vận chuyển máy móc thiết bị khoảng 10 ngày, khối lượng máy móc thiết bị ước tính khoảng 9 tấn. Sử dụng xe trọng tải 10 tấn thì chỉ cần 1 chuyến xe (2 lượt) ra

vào khu vực dự án. Quảng đường vận chuyển là 10km.

Bảng 4. 3 Hệ số và tải lượng ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km)	Tổng chiều dài (km)	Tải lượng (kg/ngày)
Bụi	0,8	2 lượt xe x 10km = 20km	0,016
SO ₂	0,6S		0,0006
NO _x	3,15		0,063
CO	8,7		0,174
VOC	0,34		0,0068

(Nguồn: Giá trị giới hạn của QCVN 05:2009/BGTVT)

Ghi chú: S - hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn xây dựng dự án với quảng đường vận chuyển trong khu vực dự án khoảng 10km, đường rộng 8m, phạm vi ảnh hưởng đến xung quanh là đường 1m, chiều cao xáo trộn được tính là 10m, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 4 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do phương tiện vận chuyển

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/h)	Nồng độ tính toán tại chiều cao phát tán (mg/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT(mg/m ³)
Bụi	2	0,003	0,3
SO ₂	0,075	0,0001	0,35
NO _x	7,875	0,013	0,2
CO	21,75	0,036	30
VOC	0,85	0,001	0,03

Nhận xét:

Kết quả tính toán cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh do các phương tiện vận chuyển cho thấy các chỉ tiêu như bụi, CO, SO₂, VOC, NO_x có nồng độ nhỏ. Mặt khác, đây là nguồn ô nhiễm đường, phát sinh trên suốt tuyến đường vận chuyển,

do đó tác động của hoạt động này không đáng kể.

4.1.3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Để giảm bớt các tác động đến môi trường không khí, chủ đầu tư sẽ thực hiện những biện pháp như sau:

- Che chắn khu vực dự án;
- Có kế hoạch vận chuyển và tập kết thiết bị hợp lý.
- Vận chuyển thiết bị, máy móc vào ngày nắng, để hạn chế mức độ ô nhiễm bụi tại khu vực cơ sở sản xuất, thường xuyên phun nước, hạn chế một phần bụi đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí;
- Phương tiện vận chuyển phải được đăng kiểm theo quy định;
- Phương tiện vận chuyển sử dụng nhiên liệu đạt quy chuẩn, hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường không khí xung quanh.

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

4.1.4.1. Đánh giá tác động

Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn từ động cơ, tiếng bóp còi của phương tiện vận chuyển;
- Tiếng ồn từ tiếng nói của nhân viên làm việc tại khu vực dự án;
- Tiếng ồn từ hoạt động bốc dỡ các trang thiết bị trong dự án.

Cơ sở nằm sát tuyến đường giao thông nên tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động giao thông của các phương tiện trên tuyến đường này. Các nguồn ồn này nếu không có biện pháp khắc phục, giảm thiểu hợp lý có thể gây tiếng ồn cộng hưởng ảnh hưởng đến khu vực lân cận và nhân công làm việc tại khu vực dự án.

Rung động trong giai đoạn này phát sinh từ hoạt động chuyên chở trang thiết bị tập kết tại cơ sở của các phương tiện. Ngoài ra, rung còn phát sinh từ hoạt động vận hành thử nghiệm của các máy móc, thiết bị. Mức độ rung động còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như tải trọng của các phương tiện vận tải, cấu tạo địa chất của nền móng công trình.

Rung chắn trong quá trình vận hành các máy móc, phương tiện hầu như là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, chủ đầu tư sẽ áp dụng một số giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến mức thấp nhất.

4.1.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình thi công Dự án, để giảm thiểu tiếng ồn và rung động Chủ dự án tiến hành các biện pháp sau:

- Có kế hoạch vận chuyển, tập kết trang thiết bị cụ thể, hợp lý, tránh tập trung cùng một thời điểm, tránh vận chuyển vào các khung giờ cao điểm trong ngày;
- Phương tiện vận tải trong thời gian chờ vận chuyển hàng tuyệt đối không nổ máy, hạn chế bóp còi xe;
- Hợp đồng với đơn vị vận chuyển có đầy đủ giấy kiểm nghiệm;
- Bố trí biển báo tại khu vực công ra vào dự án. Trong trường hợp cần thiết, có thể bố trí người giám sát, điều tiết giao thông tại công trường dự án khi có xe vận chuyển ra vào công trường dự án;
- Có kế hoạch lập tổ giám sát phối hợp giữa chủ đầu tư và đơn vị vận chuyển. Kiểm soát và giám sát sự vận chuyển, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý, khắc phục các sự cố về giao thông trong suốt thời gian triển khai dự án.

4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.1.5.1. Đánh giá tác động

❖ Tác động đến giao thông khu vực

Theo kết quả khảo sát, mật độ lưu thông tại tuyến đường giao thông thuộc địa bàn xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh như sau: Gần khu vực dự án có các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ cạnh hai bên đường. Do đó, mật độ lưu thông trên tuyến đường ở mức tương đối.

Ngoài tác động đến giao thông khu vực, hoạt động giao thông của các phương tiện vận tải và các phương tiện đi lại của nhân công có thể gây tai nạn giao thông, không những ảnh hưởng trực tiếp đến nhân công làm việc tại dự án mà còn ảnh hưởng đến người dân sinh sống trong khu vực, đi lại trên các tuyến đường có liên quan.

❖ **Tai nạn lao động, sự cố cháy nổ**

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động và sự cố cháy nổ gồm:

- Không đảm bảo an toàn trong quá trình lắp đặt các thiết bị, máy móc sử dụng điện;
- Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện, động cơ, quạt,... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy;
- Nhân công không thực hiện, chấp hành đúng nội quy về PCCC như: hút thuốc tại khu vực dễ phát sinh cháy nổ;
- Không trang bị các bình chữa cháy cầm tay tại khu vực phòng sự cố xảy ra;

* Những nguyên nhân khác gây tai nạn lao động:

- Điện giật: Trong quá trình thi công lắp đặt, nếu các đường điện không được đầu nối theo quy tắc, để dưới đất, bất ngang lối đi hay vị trí thi công dễ dẫn đến giật điện. Đặc biệt trong điều kiện trời mưa rất dễ bị nhiễm điện do gió bão làm đứt dây hay chạm phải đường dây bị nhiễm điện,...;
- Nhân công bị ngất xỉu do thời tiết nắng nóng hoặc làm việc trong tình trạng sức khỏe không đảm bảo: Trong quá trình thi công nếu nhân công không đảm bảo sức khỏe sẽ dễ dẫn đến tai nạn do làm việc không tập trung, tinh thần không tỉnh táo;

- Tai nạn với thiết bị máy móc, thiết bị: Nếu nhân công không có chuyên môn về vận hành thiết bị, máy móc hoặc chưa được đào tạo về các thao tác an toàn khi làm việc với máy móc sẽ dẫn đến tai nạn do vận hành không đúng quy tắc hoặc không sử dụng các bảo hộ đi kèm khi vận hành thiết bị đó.

- Bị vật rơi trúng: Trong quá trình làm việc, nếu không quan sát cẩn thận mà sơ ý đứng tại các vị trí không an toàn sẽ dễ bị vật dụng rơi trúng người rất nguy hiểm. Do đó, trong quá trình làm việc, nhân công cần quan sát cẩn thận các vị trí.
- Không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: Trong quá trình thi công nếu nhà thầu không trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân công, khi có sự cố xảy ra sẽ rất nguy hiểm. Bên cạnh đó, bản thân cũng cần thực hiện nghiêm

tức việc trang bị bảo hộ lao động cũng như nhận dạng công được các mối nguy để sử dụng bảo hộ lao động thích hợp cho từng hoạt động.

- Nhân công không được huấn luyện về an toàn lao động: Nhiều nhân công khi tham gia thi công trên công trường mà chưa qua huấn luyện đào tạo rất dễ xảy ra tai nạn do không nắm rõ các quy tắc cũng như thao tác và nội quy về an toàn lao động.

Các sự cố cháy nổ xảy ra thường không những gây ảnh hưởng lớn đến môi trường mà còn để lại những hậu quả nghiêm trọng đến tài sản, tính mạng con người nếu không có biện pháp phòng ngừa, ứng phó kịp thời;

- Gây thiệt hại về tài sản, tính mạng con người. Khi đám cháy tại công trình xảy ra, có thể lan sang các công trình xung quanh. Mức độ thiệt hại còn tùy thuộc vào mức độ và tính chất của đám cháy, đặc điểm thời tiết, thời gian dập tắt đám cháy, đặc điểm công trình, khả năng ứng phó sự cố,...;

- Ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

❖ Tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội

Một số tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án như sau:

- Tạo việc làm: Thuê nhân công ở địa phương tham gia thực hiện những công việc vận chuyển lấp đất, sắp xếp các trang thiết bị và phụ tùng;
- An toàn lao động và vệ sinh môi trường lao động: Cũng như bất cứ công trình xây dựng nào, công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường lao động là vấn đề đặc biệt quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm của mọi người từ các quản lý cho đến người nhân công trực tiếp làm việc trên công trường. Nếu trong quá trình lao động không được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động thì có khả năng phát sinh các tai nạn lao động và các vấn đề về vệ sinh môi trường lao động;

- Tăng nguy cơ dịch bệnh khi đưa lao động từ ngoài vào: Lao động từ bên ngoài đến có thể gây nên những bệnh dịch lây qua đường hô hấp cũng như các loại bệnh khác (tiêu chảy, lỵ,...) vào vùng dự án. Điều này có tác động xấu lên sức

khoe cư dân vùng dự án. Hiện tượng này còn tương đối phổ biến ở các nước đang phát triển do vậy phòng chống bệnh lây nhiễm là rất cần thiết ở khu vực công trường thi công dự án.

4.1.5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu

❖ Tác động đến giao thông khu vực

Để giảm thiểu tác động kể trên, đơn vị vận chuyển kết hợp với Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí biển báo tại khu vực công ra vào dự án. Trong trường hợp cần thiết, có thể bố trí người giám sát, điều tiết giao thông tại công trường dự án khi có xe vận chuyển ra vào công trường dự án;
- Hoạch định và điều tiết tiến độ, thời điểm vận chuyển, tránh gây ùn tắc giao thông tại khu vực, tránh các khung giờ cao điểm;
- Hạn chế các phương tiện ra vào cùng một lúc, tập trung vào một thời điểm, đặc biệt là các khung giờ cao điểm;
- Có kế hoạch lập tổ giám sát phối hợp giữa chủ đầu tư và đơn vị vận chuyển. Kiểm soát và giám sát vận chuyển, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý, khắc phục các sự cố về giao thông trong suốt thời gian triển khai dự án.

❖ Tai nạn lao động, sự cố cháy nổ

a. Đối với đơn vị vận chuyển

- Đơn vị vận chuyển phải có kế hoạch cụ thể, thực hiện nghiêm túc về an toàn lao động trong suốt thời gian thực hiện dự án và báo cáo với Chủ đầu tư. Có phương án xử lý và khắc phục khi có sự cố xảy ra;
- Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao;
- Trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân công;

- Tổ chức giám sát, đảm bảo khu vực thực hiện dự án phải luôn gọn gàng, bố trí ngăn nắp đảm bảo mặt bằng công tác, hạn chế các tai nạn lao động đáng tiếc xảy ra.

b. Đối với Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư phải phối hợp chặt chẽ và giám sát việc thực hiện của đơn vị vận chuyển trong suốt thời gian thực hiện;
- Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;
- Thực hiện theo đúng quy định về phòng chống cháy nổ: Các nhiên liệu, hóa chất dễ cháy nổ phải được lưu chứa khu vực riêng và có trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC (*các bình chữa cháy cầm tay*). Trang bị các thiết bị PCCC tại khu vực cơ sở.

❖ Tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội

Bố trí người giám sát thi công tại công trường dự án để đảm bảo hạn chế các mâu thuẫn, xung đột xảy ra, giám sát việc thực hiện của dự án.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

4.2.1.1. Đánh giá tác động

a. Nước mưa chảy tràn

Lượng nước mưa chảy tràn của dự án ở giai đoạn hoạt động là không thay đổi so với lượng nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng. Nguyên nhân là do hiện nay toàn bộ diện tích bề mặt khu đất triển khai dự án đã được bê tông hóa, hệ số thấm rút nước mưa trước và sau khi triển khai dự án là không thay đổi. Lưu lượng nước phụ thuộc vào chế độ khí hậu của khu vực.

Nếu không được quản lý tốt, nước mưa có thể bị nhiễm dầu do chảy qua những vùng chứa nhiên liệu, khu vực đậu xe, khu vực chứa CTR, khu vực sinh hoạt của

nhân viên,... Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các tạp chất đất đá, cặn bẩn, dầu nhớt,... Với lượng nước mưa chảy tràn tương đối ít, tác động thấp, không đáng kể đến chất lượng môi trường nước và điều kiện vệ sinh môi trường khu vực dự án.

Thành phần tính chất: Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các tạp chất đất đá, cặn bẩn, dầu nhớt,...

Tổng lượng nước mưa từ khu vực dự án được tính theo TCVN 7957:2008 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài, cụ thể theo công thức sau:

$$Q = \varphi \times q \times F$$

Trong đó:

+ Q: lưu lượng nước mưa chảy tràn (m^3)

+ φ : hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ của lưu vực tính toán, $\varphi = 0,8$ đối với mái nhà, mặt phủ bê tông

+ F: diện tích lưu vực tính toán, $F = 3.575 m^2$

+ q: cường độ mưa (mm/ngày).

$$Q = 0,8 \times 330,6/15 \times 1/1000 \times 3.575 = 63,03 m^3/ngày$$

Thành phần và tính chất nước mưa: Thành phần và tính chất nước mưa được thể hiện trong bảng bên dưới:

Bảng 4. 5 Thành phần nước mưa chảy tràn

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ
1	Chất rắn lơ lửng	mg/lít	10 – 20
2	COD	mg/lít	10 – 20
3	Tổng Nitơ	mg/lít	0,5 – 1,5
4	Tổng Photpho	mg/lít	0,004 – 0,03

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của Viện vệ sinh dịch tễ, 2005)

Tác động: Với lượng nước mưa chảy tràn tương đối ít, tác động thấp, không đáng kể đến chất lượng môi trường nước và điều kiện vệ sinh môi trường khu vực dự

án.

b. Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu là từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại dự án. Nước thải bị nhiễm bẩn do các chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh.

Số nhân viên trong giai đoạn hoạt động dự kiến là 10 người, tuy nhiên, số công nhân này không lưu trú tại dự án. Ước tính nhu cầu sử dụng nước là 45 lít/người/ca

Lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt, vậy tổng lượng nước thải sinh hoạt là 0,45 m³/ngày.

Thành phần và tính chất: Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, ngoài ra còn có cả các thành phần vô cơ, vi sinh vật, vi trùng gây bệnh và chất dinh dưỡng N, P. Chất hữu cơ chứa trong nước thải sinh hoạt bao gồm các hợp chất như protein (40-50%); hydrocacbon (40-50%) và các chất béo (5-10%). Nồng độ chất hữu cơ trong nước thải sinh hoạt dao động trong khoảng 150-450 mg/lít theo trọng lượng khô và có khoảng 20-40% chất hữu cơ khó bị phân hủy sinh học.

Bảng 4. 6 Thành phần và tính chất nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)

T T	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ			QCVN 14:2008/BTNMT	
			Nhẹ	Trung bình	Nặng	Cột A	Cột B
1	Chất rắn tổng cộng	mg/l	350	720	1.200	-	-
2	Chất rắn hòa tan	mg/l	250	500	850	500	1.000
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	220	350	50	100
4	BOD ₅	mg/l	110	220	400	30	50
5	COD	mg/l	250	500	1.000	-	-
6	Tổng N	mg/l	20	40	85	-	-
	N hữu cơ	mg/l	8	15	35	30	50
7	Amونيا tự do	mg/l	12	25	50	5	10
	Tổng P	mg/l	4	8	15	6	10
8	P hữu cơ	mg/l	1	3	5	-	-
	P vô cơ	mg/l	3	5	10	-	-
8	Coliform	MPN/100 ml	10 ⁶ - 10 ⁷	10 ⁷ - 10 ⁸	10 ⁷ - 10 ⁹	3.000	5.000

(Nguồn: Lâm Minh Triết và Cộng sự, Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp – Tỉnh

toán thiết kế công trình, NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM, 2004).

Tác động: Loại nước thải này có nồng độ ô nhiễm nhẹ, chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, Coliform, cặn lơ lửng....Nếu không được xử lý khi thải vào môi trường sẽ nhanh chóng bị phân hủy kỵ khí gây mùi hôi thối khó chịu, làm thiếu hụt oxi trong nước và mất khả năng tự làm sạch của nước.

Bảng 4. 7 Các tác hại của các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường

STT	Thông số	Tác động
1	Chất rắn lơ lửng	Ảnh hưởng đến chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh
2	Các chất hữu cơ	Giảm nồng độ ôxy hoà tan trong nước Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
3	Nitrat	Là sản phẩm cuối cùng của sự phân hủy hợp chất chứa nitơ có trong chất thải, ở nồng độ nitrat cao sẽ tạo môi trường chất dinh dưỡng tốt cho sự phát triển rong tảo, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước của khu vực.
4	Photphat	Cũng như nitrat, photphat là chất dinh dưỡng cho sự phát triển rong tảo.
5	Các vi khuẩn gây bệnh	Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột
6	COD	COD (Chemical Oxygen Demand - nhu cầu oxy hóa học) là lượng oxy cần thiết để oxy hoá các hợp chất hoá học trong nước bao gồm cả vô cơ và hữu cơ. Như vậy, COD là lượng oxy cần để oxy hoá toàn bộ các chất hoá học trong nước.
7	BOD	BOD có ý nghĩa biểu thị lượng các chất thải hữu cơ trong nước có thể bị phân huỷ bằng các vi sinh vật.
8	Amoni - Nitrit - Nitrat	Các dạng thường gặp trong nước của hợp chất nitơ là amoni, nitrit, nitrat, là kết quả của quá trình phân hủy các chất hữu cơ hoặc do ô nhiễm từ nước thải. Trong nhóm này, amoni là chất gây độc nhiều nhất cho cá và các loài thủy sinh. Nitrit được hình thành từ phản ứng phân hủy nitơ hữu cơ và amoni và với sự tham gia của vi khuẩn. Sau đó nitrit sẽ được oxy hóa thành nitrat. Ngoài ra, nitrat còn có mặt trong nguồn nước là do nước thải từ các ngành hóa chất, từ đồng ruộng có sử dụng phân hóa học, nước rỉ bãi rác, nước mưa chảy tràn. Sự có mặt hợp chất nitơ trong thành phần phân hóa học của nước cho thấy dấu hiệu ô nhiễm nguồn nước

STT	Thông số	Tác động
9	Tổng photpho	Gây hiện tượng phú dưỡng hóa

Nhận xét: Nếu nguồn nước thải này không được xử lý mà thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm nguồn nước tại khu vực.

c. *Nước thải sản xuất, vệ sinh nhà xưởng*

Không phát sinh. Dự án thực hiện quét dọn nhà xưởng và trong quy trình sản xuất không sử dụng nước.

4.2.1.2. *Công trình, biện pháp xử lý nước thải*

➤ **Nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thoát nước mưa dự án như sau:



Hình 4. 1 Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn dự án

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tách riêng.
- Nước mưa từ trên mái: Được thu gom bằng các máng thu nước ở bên mái của xưởng, sau đó nước mưa sẽ theo ống dẫn uPVC DN150 dẫn xuống để thoát vào cống thoát nước khu vực.
- Đồng thời, dự án cũng phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường trên bề mặt sân đường nội bộ để hạn chế ảnh hưởng, gây ô nhiễm cho nguồn nước mưa chảy tràn.
- Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo có độ dốc tự chảy, thoát ra ngoài công trình nhanh nhất.
- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng đường ống uPVC DN150, độ dốc tối thiểu i = 1‰ sau đó thoát nước mưa vào cống thoát nước khu vực.

Tọa độ vị trí thoát nước: X= 1142503; Y= 588396 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', mũi chiếu 3°).

Bảng 4. 8 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

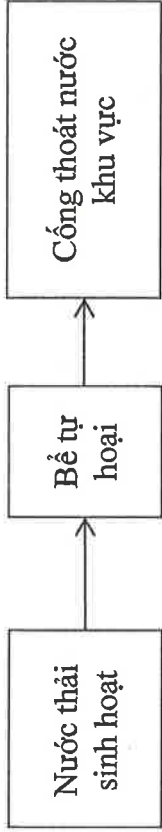
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga nước mưa BTCT	cái	1
2	Ống uPVC DN150	m	20

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

➤ **Nước thải**

- Hệ thống thoát nước bản tách riêng hệ thống thoát nước mưa.
- Công trình thu gom nước thải: Các ống thoát phân, thoát tiểu, thoát lavabor sẽ được đưa về bể tự hoại xử lý trước khi thoát ra cống thoát nước khu vực.

Sơ đồ thu gom nước thải tại dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 4. 2 Sơ đồ thoát nước thải của dự án

Bảng 4. 9 Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga nước thải BTCT	cái	3
2	Ống PVC DN200	m	150

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

- Công trình thoát nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được xử lý tại bể tự hoại đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 và thoát ra cống thoát nước chung khu vực.
- Điểm xả nước thải sau xử lý: cống thoát nước chung khu vực.
- Tọa độ vị trí xả thải: X= 1142541; Y=588408 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

➤ **Nước thải sinh hoạt**

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án là $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn để xử lý bằng công nghệ xử lý nước thải bằng bùn sinh học kỵ khí.

Bể tự hoại là công trình dòng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng, định kỳ được hút ra và vận chuyển đến vị trí xử lý đúng quy định. Dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt $60 - 65\%$ cặn lơ lửng SS và $20 - 40\%$ BOD. Nguyên tắc hoạt động của bể này là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng.

Thiết kế bể tự hoại theo TCVN10334:2014

Xác định dung tích bể tự hoại dựa trên thể tích nước của bể và thể tích cặn của bể:

$$W_{\text{th}} = W_n (\text{thể tích nước của bể}) + W_c (\text{thể tích cặn của bể})$$

Thể tích nước của bể $V_n = 0,45 \text{ m}^3$

Thể tích cặn của bể được xác định dựa trên lượng cặn trung bình một người thải ra trong một ngày, thời gian giữa hai lần lấy cặn, số người mà bể sẽ phục vụ. Ngoài ra nó còn phụ thuộc vào độ ẩm của cặn lên men và cặn tươi cũng như một số các hệ số khác.

Các thông số thiết kế được chọn:

Lượng cặn trung bình một người thải ra là $0,6 \text{ lít/người/ngày}$.

Thời gian giữa hai lần lấy cặn trung bình $T = 6 \text{ tháng} = 180 \text{ ngày}$

Thời gian giữa hai lần lấy cặn phụ thuộc vào điều kiện đảm bảo cho cặn lên men hoàn toàn và điều kiện quản lý (*lấy cặn*).

Số người mà bể phục vụ $N = 10 \text{ người}$

W_1, W_2 : Độ ẩm của cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men.

W_1 : 95%

W_2 : 90%

- b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cận khí lên men (giảm 30%), $b=0,7$
- c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cận đã lên men khi hút cạn để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cận được nhanh chóng, dễ dàng, thông thường $c=1,2$.

Từ các thông số trên tính được thể tích cận của bể tự hoại:

$$W_c = \frac{[aT(100 - W_1)bc]N}{(100 - W_2) \times 1000}$$
$$W_c = \frac{[0,6 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2] \times 10}{(100 - 90) \times 1000} = 0,45 \text{ m}^3$$

Thể tích của bể tự hoại là:

$$W = 0,45 + 0,45 = 0,9 \text{ m}^3$$

Hiện trạng của dự án hiện đã có 02 bể tự hoại hiện hữu có dung tích $3 \text{ m}^3/\text{bể}$ là phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng.

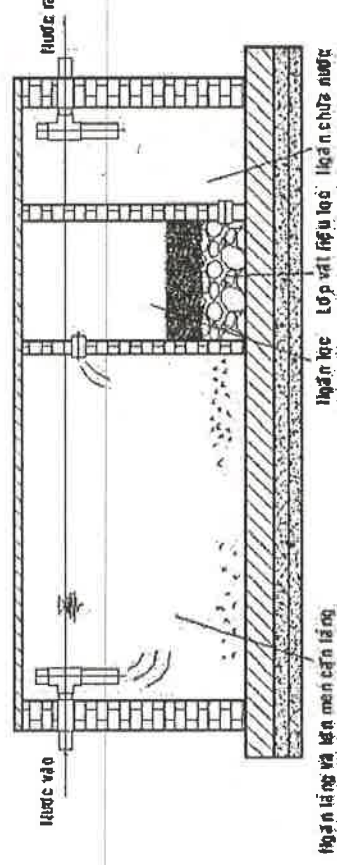
✦ Chức năng, quy mô, công suất:

➤ Chức năng: Thực hiện xử lý sơ bộ toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án

➤ Quy mô, công suất bể tự hoại: bể tự hoại có tổng thể tích 6 m^3 .

✦ Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:



Hình 4. 3 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.

Thuyết minh quy trình:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bùn

trong bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom định kỳ.

- Bể tự hoại là công trình xử lý khí, trong bể tự hoại đồng thời xảy ra quá trình lắng cặn, giữ cặn và lên men cặn lắng. Quá trình xử lý nước thải sinh hoạt trong bể tự hoại chủ yếu diễn ra theo các bước sau: Thủy phân các chất hữu cơ phức tạp và chất béo thành các chất hữu cơ đơn giản làm nguồn dinh dưỡng và năng lượng cho vi khuẩn. Các vi khuẩn kỵ khí sẽ thực hiện quá trình lên men các chất hữu cơ đơn giản trên và chuyển hóa chúng thành CH_4 và CO_2 .

- Trong thời gian lưu nước từ 1 – 3 ngày, các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Cặn lắng trong bể qua thời gian 3-6 tháng sẽ phân hủy kỵ khí. Nước thải tiếp tục qua ngăn cuối cùng của bể và theo đường ống thoát vào cống thoát nước chung của khu vực. Cặn lắng trong bể định kỳ Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- Bể tự hoại có hình chữ nhật và được đặt âm dưới mặt đất có bố trí nắp thăm, ống thông hơi, xây dựng bằng bê tông cốt thép có lớp chống thấm nước thải thấm vào môi trường đất ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

✦ ***Vị trí xây dựng:*** Bể tự hoại được bố trí âm nền dưới công trình nhà xưởng của dự án.

✦ ***Kích thước các công trình đơn vị:***

Dự án có 02 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích hữu dụng 3m^3 /bể như sau:

Ngăn 1: $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1,5\text{m}$

Ngăn 2: $1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1,5\text{m}$

Ngăn 3: $1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1,5\text{m}$

4.2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

4.2.2.1. Đánh giá tác động

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn gốc phát sinh:

Mức phát thải bình quân đầu người hiện nay đạt khoảng 0,5 kg/người. Tổng số lượng nhân viên làm việc dự kiến là 10 người. Khi đó, ước tính tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động là: $10 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người.ngày} = 5 \text{ kg/ngày}$.

Thành phần tính chất:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án bao gồm: các hợp chất có nguồn gốc như thực phẩm dư thừa, bao gói đựng thức ăn, thức uống, các hợp chất hữu cơ không có khả năng phân hủy sinh học như nhựa, plastic, PVC...

Mức độ tác động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án có khối lượng tương đối không nhiều, nhưng nếu không được thu gom và có biện pháp xử lý phù hợp, các chất này sẽ phân hủy gây mùi ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh môi trường dự án, chất lượng không khí xung quanh và mỹ quan khu vực dự án.

b. Chất thải rắn sản xuất

Nguồn gốc phát sinh

Chủ yếu là bao bì thải bỏ, hư hỏng và dụng cụ hư hỏng (sọt): phát sinh ước tính 2kg/ngày.

Thành phần tính chất và mức tác động

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất chủ yếu là các thành phần vô cơ. Các loại chất thải này nếu không được thu gom xử lý sẽ làm tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân sống xung quanh dự án.

c. Chất thải nguy hại

Nguồn gốc phát sinh:

Các chất thải nguy hại trong dự án phát sinh không nhiều, chủ yếu từ quá trình vận hành, kiểm tra, thay mới máy móc, thiết bị.

Thành phần tính chất:

Trong hoạt động sản xuất của dự án cũng có thể phát sinh một số loại chất thải

nguy hại với thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

- Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị kỹ thuật của công trình...;
- Bóng đèn huỳnh quang thải, bóng đèn dây tóc,...

Bảng 4. 10 Thống kê khối lượng CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) trong giai đoạn hoạt động

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	Rắn	18 02 01	5
4	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	Lỏng	15 01 07	5
5	Chai thuốc bảo vệ thực vật-xịt muỗi, kiến,...(đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	Rắn	18 01 03	10

Mức độ tác động:

Chất thải nguy hại cần phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Trong các chất thải nguy hại có chứa các thành phần như:dầu, nhớt, dung môi... gây tác động xấu đến sức khỏe của con người, động vật và thực vật xung quanh dự án.

d. Bùn thải

Bùn từ bể tự hoại:

Theo TCVN10334:2014 lượng cặn trung bình một người thải ra là 0,6 lít/người/ngày → lượng cặn trung bình phát sinh trong 01 ngày tại dự án là 6 lít/người/ngày.

Bùn từ bể tự hoại và HTXLNT chủ yếu là các bùn cặn sẽ được hút định kỳ và đem đi xử lý.

Bùn thải phát sinh với khối lượng tương đối thấp và dễ phân hủy gây mùi nên nếu thải bỏ bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường đáng kể.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chủ đầu tư sẽ thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng và chất thải rắn nói chung theo Văn bản số 212/UBND-KTN ngày 14/04/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tăng cường quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại rác tại nguồn.

Chất thải rắn sinh hoạt gồm 03 nhóm chính sau:

- Chất thải hữu cơ dễ phân hủy như: thực phẩm hư hỏng, thực ăn thừa, các loại vỏ hạt trái cây,... ;
- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng như: vỏ đồ hộp, đồ nhựa, đồ thủy tinh,...
- Chất thải còn lại gồm: vỏ bánh kẹo, giấy bạc, túi nylon, đồ sành sứ, tóc, cao su,...

Phương án thu gom cụ thể như sau:

Rác thải sinh hoạt: Trang bị 03 thùng chứa loại 60-240L có nắp đậy kín gồm 01 thùng đựng chất thải hữu cơ dễ phân hủy, 01 thùng đựng chất thải còn lại và 01 thùng đựng chất thải có khả năng tái chế. Các thùng chứa được phân biệt bằng màu sắc hoặc bằng hình ảnh kèm chữ viết.

→ Cuối ngày, công nhân sẽ thu gom về khu vực lưu chứa CTR tập trung để lưu chứa tạm trong thời gian chờ đơn vị thu gom đến thu gom và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

b. Chất thải rắn sản xuất

Bao bì thải bỏ, hư hỏng và dụng cụ hư hỏng: được thu gom lại và chất gọn trong khu vực riêng biệt tại khu vực kiểm tra, phân loại với diện tích 3m², với 02 thùng rác loại 60-240L. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

Bảng 4. 11 Thông tin các thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt, thông thường

Tên thiết bị	Số lượng	Mô tả	Xuất xứ
Khu tập kết rác thải sinh	1	- Kích thước: 2m ² - Vật liệu: BTCT	Việt Nam

hoạt			
Khu tập kết chất thải sản xuất	1	- Kích thước: 3m ² - Vật liệu: BTCT	Việt Nam
Thùng chứa rác sinh hoạt	3 cái	- Loại: 60-240 lít - Vật liệu: nhựa PP/HIDPE - Màu sắc: Xanh - Nắp đậy kín ngăn mùi hôi	Việt Nam
Bể tự hoại	2 bể	Thể tích 3 m ³ Kết cấu: BTCT có chống thấm	Việt Nam

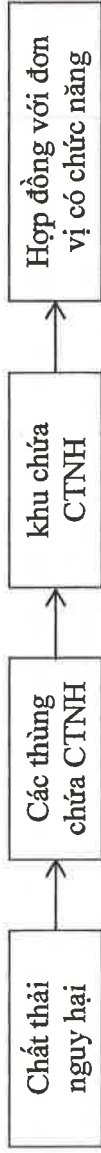
Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

c. Chất thải rắn nguy hại

Công trình lưu trữ chất thải nguy hại của dự án đảm bảo lưu trữ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

⚡ Chức năng: Lưu trữ CTNH phát sinh trong quá trình vận hành của dự án như bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, các thiết bị, dầu mỡ thải...

⚡ Quy trình thu gom, lưu chứa CTNH như sau:



Hình 4. 4 Sơ đồ thu gom CTNH

Dự án bố trí một kho chứa CTNH để lưu chứa tạm; diện tích kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5m², được xây dựng bằng BTCT có bố trí các thùng rác loại 15L, phân loại và dán nhãn CTNH.

Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển CTNH đi xử lý theo đúng quy định.

Bảng 4. 12 Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình lưu chứa chất thải nguy hại

Tên thiết bị	Số lượng	Mô tả	Xuất xứ
Kho lưu	1	- Kích thước: 5 m ² .	Việt Nam

chứa		- Vật liệu: BTCT	
Thùng chứa CTNH có dán nhãn	5 cái	- Loại: 15 lít - Vật liệu: nhựa PP/ HDPE - Màu sắc: xanh, có dán nhãn - Nắp đậy kín	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu, 2024

4.2.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

4.2.3.1. Đánh giá tác động

a. Từ các phương tiện ra vào dự án

Dự án nằm gần sát đường giao thông, thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh. Đây là tuyến đường kết nối khu vực dự án với giao thông bên ngoài, là lối tiếp cận chính để nhập liệu, hàng hóa và xuất hàng ra thị trường. Tuyến đường có mặt đường trải nhựa, hiện trạng sử dụng tốt nên giảm thiểu được bụi phát sinh cuốn lên do các phương tiện vận chuyển đi qua.

Khi dự án đi vào hoạt động, lượng xe vận chuyển ra vào dự án bao gồm xe vận chuyển hàng hóa và xe vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất.

Với giả định toàn bộ lượng hàng hóa, nguyên vật liệu sản xuất được vận chuyển bởi xe 12 tấn/chuyến, từ các vườn trái cây đến dự án cũng như từ dự án đến các đơn vị trung chuyển, trong bán kính khoảng 30 km. Như vậy, 1 ngày sẽ có 1 xe 12 tấn ra vào dự án.

Bảng 4. 13 Hệ số và tải lượng ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu DO

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km)	Tổng chiều dài (km)	Tải lượng (kg/ngày)
Bụi	0,8	2 lượt xe x 30km = 60km	0,048
SO ₂	0,6S		0,0018
NO _x	3,15		0,189
CO	8,7		0,522
VOC	0,34		0,0204

(Nguồn: Giá trị giới hạn của QCVN 05:2009/BGTVT)

Ghi chú: S - hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn vận hành dự án với quãng đường vận chuyển khoảng 30km, đường rộng 5-6m, chiều cao xáo trộn được tính là 10m, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 14 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do phương tiện vận chuyển

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/h)	Nồng độ tính toán tại chiều cao phát tán (mg/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m ³)
Bụi	6	0,003	0,3
SO ₂	0,225	0,0001	0,35
NO _x	23,625	0,013	0,2
CO	65,25	0,036	30
VOC	2,55	0,001	0,03

Nhận xét:

Kết quả tính toán cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh do các phương tiện vận chuyển cho thấy các chỉ tiêu như bụi, CO, SO₂, VOC, NO_x có nồng độ nhỏ. Mặt khác, đây là nguồn ô nhiễm đường, phát sinh trên suốt tuyến đường vận chuyển, do đó tác động của hoạt động này không đáng kể.

b.Mùi hôi từ khu lưu chứa chất thải rắn

Đối với CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên thì lượng chất thải phát sinh ít chủ yếu từ chai lọ nước ngọt các loại, khăn giấy, thức ăn thừa,...

Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất của dự án phát sinh với khối lượng lớn, chủ yếu là bao bì hư hỏng, các thành phần còn lại phát sinh thấp hơn.

Toàn bộ CTR sinh hoạt sẽ được thu gom tập trung, lưu chứa tại một khu vực riêng. Tuy nhiên, chất thải rắn sinh hoạt có chứa một ít thành phần là chất hữu cơ dễ

bị phân hủy sinh học, đặc biệt khi thời tiết nóng ẩm nên sẽ dễ phát sinh mùi hôi nếu không có các biện pháp che chắn và quản lý hợp lý.

Quá trình phân hủy tự nhiên của các khối thực phẩm thường diễn ra dưới sự góp mặt của nhiều chủng vi sinh vật hiếu khí lẫn kỵ khí. Các chủng hiếu khí sẽ phân hủy mặt ngoài của khối thực phẩm. Nhưng chính sự phân hủy bên trong khối thực phẩm do các chủng vi sinh kỵ khí thực hiện mới là nguồn gốc phát sinh các loại khí gây mùi hôi như: H_2S , NH_3 ... Ở đất nước có khí hậu nhiệt đới, độ ẩm cao như Việt Nam, việc lưu giữ CTR sinh hoạt tại chỗ trong vòng 24h đã bắt đầu thối rữa và phát sinh mùi hôi.

Ngoài mùi hôi gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của nhân viên làm việc, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, liên quan đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

Theo Báo cáo của Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế cho hay việc thường xuyên tiếp xúc với mùi hôi thối từ rác thải chủ yếu lớn đến sức khỏe con người, đặc biệt là người già, trẻ nhỏ và người mắc bệnh mãn tính. Ở những đối tượng này, chúng không chỉ tác động lên hệ hô hấp mà đặc biệt là tìm mạch bởi gây ra những stress, khó chịu, cũng từ đó ảnh hưởng tới nhiều bệnh khác nhau.

Đặc biệt, khu vực lưu chứa còn ẩn chứa nhiều mầm bệnh, là nơi cư trú lý tưởng của các loại côn trùng, ruồi, chuột. Đây là những sinh vật chứa nhiều mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

4.2.3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Đối với hoạt động giao thông

Để đảm bảo điều kiện an toàn lao động và bảo vệ môi trường không khí, Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, công nhân được trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang chống bụi,...;
- Hàng hóa được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường thông thoáng;

- Thời điểm bốc dỡ nguyên liệu được lựa chọn phù hợp với hoạt động dự án, hạn chế bốc dỡ vào giờ nghỉ trưa và ban đêm sau khi vận chuyển, khu vực bốc dỡ vệ sinh sạch sẽ;
- Vệ sinh các tuyến đường giao thông xung quanh khu vực dự án định kỳ 1 – 2 lần/ngày;
- Thường xuyên phun nước, tưới đường, đặc biệt vào các ngày nắng nóng, gió mạnh;
- Che chắn dự án.

b. Mùi hôi từ khu vực lưu chứa chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt trên sẽ được thu gom về phòng chứa CTR sinh hoạt tập trung của dự án. CTR sinh hoạt thường để phát sinh mùi hôi. Để giảm thiểu những ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh và sức khỏe của công nhân, Chủ đầu tư áp dụng một số biện pháp sau:

- Tại các thùng chứa CTR sinh hoạt, sử dụng các bao nylon lót, sử dụng các loại thùng có nắp đậy kín để giảm thiểu mùi phát sinh, đồng thời giữ gìn vệ sinh trong quá trình thu gom;
- Thực hiện việc thu gom vào các thời điểm trước ca làm việc hoặc sau giờ tan ca của công nhân viên;
- Khu vực lưu chứa CTR tập trung nên bố trí ở nơi thích hợp, thông thoáng. Tránh khu vực gần nhà dân và lấn chiếm lòng lề đường;
- Thường xuyên nhắc nhở công nhân đổ rác đúng nơi quy định vừa đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường chung và mỹ quan khu vực dự án.

4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

4.2.4.1. Đánh giá tác động

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động bốc dỡ hàng hóa và di chuyển vật liệu qua các khâu. Đây là nguồn ồn di động, khó kiểm soát, diễn ra thường xuyên do quá trình xuất nhập hàng diễn ra liên tục trong ngày. Ngoài ra còn kể đến tiếng ồn từ các phương tiện đi lại của nhân viên, công nhân làm việc tại dự án; tiếng ồn này thường là

tiếng ồn cộng hưởng do các phương tiện thường tập trung ra vào khu vực dự án gần như cùng một lúc vào giờ vào ca và giờ tan ca. Tuy nhiên mức ồn do các phương tiện này không cao, khoảng 75 – 80 dBA, do đó dự án sẽ quan tâm đến việc bố trí thời điểm xuất nhập hàng vào kho để ảnh hưởng của tiếng ồn gây ra được hạn chế đến mức thấp nhất.

Rung động chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào chủ yếu là gần máy. Tuy nhiên, cường độ rung nhìn chung thấp, thời gian diễn ra ngắn nên không gây ra tác động gì đáng kể đối với toàn bộ dự án.

Kết luận: Nguồn ồn, rung phát sinh tại dự án tác động tương đối thấp và trong giới hạn cho phép theo quy định đối với các đối tượng lân cận và môi trường khu vực dự án. Riêng các hộ dân ở đối diện dự án chịu ảnh hưởng trung bình, tuy nhiên, ngoài các phương tiện giao thông ra vào dự án còn có các phương tiện khác lưu thông trên tuyến đường nên sự ảnh hưởng bởi nguồn ồn từ các phương tiện này là khó tránh khỏi.

4.2.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5 km/h, không bóp còi;
 - Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
 - Che chắn dự án hạn chế tiếng ồn.
- Đối với tiếng ồn từ hoạt động của máy móc sản xuất:
- Lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.
 - Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần
 - Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động như trang bị khẩu trang, găng tay, nút tai chống ồn,...

4.2.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.5.1. Đánh giá tác động

➤ Tai nạn lao động:

- Không thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động, không sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động khi cần thiết;
- Những tai nạn do mất tập trung lúc làm việc.

➤ Sự cố cháy nổ:

- Vận chuyển các chất dễ cháy như bao bì, ni lông qua những nơi có nguồn phát sinh nhiệt hay gần các tia lửa điện;
- Lưu trữ các nguồn chất thải như: bao bì giấy, ni lông không đúng quy cách;
- Các sự cố về thiết bị điện: dây trần, dây điện, động cơ,... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy nổ;
- Lưu trữ nhiên liệu không đúng cách, sự bất cẩn của nhân viên;
- Sự cố sét đánh có thể gây cháy nổ.

➤ Tai nạn giao thông

- Các phương tiện đi lại của công nhân trong dự án được sắp xếp gọn gàng, trật tự;
- Quy định lối vào và lối ra tại khu vực đỗ xe.

➤ Sự cố bể tự hoại

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây hôi thối, mất vệ sinh;
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

➤ Tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội

Một số tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án như sau:

- Ngoài ra, việc tập trung các phương tiện vận tải thường xuyên ra vào khu vực dự án còn gây áp lực đến giao thông khu vực. Ngoài tác động đến giao thông khu vực, hoạt động giao thông của các phương tiện vận tải và các phương tiện đi lại của công nhân có thể gây tai nạn giao thông, không những ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại dự án mà còn ảnh hưởng đến người dân sinh sống trong khu vực, đi lại trên các tuyến đường có liên quan;
- An toàn lao động và vệ sinh môi trường lao động: Cũng như bất cứ công trình xây dựng nào, công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường lao động là vấn đề đặc biệt quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm của mọi người từ các quản lý cho đến người công nhân trực tiếp làm việc trên công trường. Nếu trong quá trình lao động không được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động thì có khả năng phát sinh các tai nạn lao động và các vấn đề về vệ sinh môi trường lao động.

Tuy nhiên, dự án cũng đem đến một số tác động tích cực đến kinh tế - xã hội khu vực, đó là:

- Việc đầu tư dự án sẽ đóng góp vào nguồn ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế;
- Phục vụ các nhu cầu di chuyển, vận tải cho người dân, các tổ chức trong địa bàn thông qua hoạt động kinh doanh, các dịch vụ bảo dưỡng xe ô tô con, xe ô tô tải;
- Góp phần chỉnh trang đô thị, cải tạo bộ mặt đô thị theo hướng văn minh, hiện đại và thúc đẩy sự phát triển của ngành thương mại – dịch vụ tại huyện Cao Lãnh;
- Tạo việc làm cho đại bộ phận người lao động trong nhiều vị trí khác nhau.

4.2.5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu

➤ Đối với tai nạn lao động:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân ứng với các rủi ro mà công nhân có thể gặp phải như: nón bảo hộ, khẩu trang, giày và quần áo bảo hộ cần thiết khác;

- Trang bị mũ hàn cầm biến tự động cho các kỹ thuật viên trực tiếp tham gia quá trình sửa chữa làm đồng. Loại mũ hàn này sẽ giúp bảo vệ mắt, da mặt của người trực tiếp hàn, tránh các thương tổn trong quá trình vận hành và thao tác công việc. Đồng thời giúp loại trừ và hạn chế tối đa các tổn hại từ tia tử ngoại và tia hồng ngoại phát ra từ hồ quang hàn để không gây tổn hại tới mắt;
 - Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên trong khu vực sửa chữa;
 - Huấn luyện nội bộ và bên ngoài đối với nhân viên phụ trách an toàn điện;
 - Huấn luyện cho nhân viên về các tháo tác an toàn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong dự án;
 - Không cho phép kỹ thuật viên làm việc trong tình trạng sức khỏe không đảm bảo;
- Nhân viên vận hành các máy móc cũng phải được huấn luyện đào tạo bên ngoài về vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt và phải có thẻ an toàn về vận hành thiết bị này.

➤ **Đối với sự cố cháy nổ:**

- Xây dựng nội quy về PCCC tại dự án, có bảng cảnh báo PCCC và số điện thoại nóng niêm yết tại các vị trí cần thiết;
- Lưu chứa nguyên, nhiên liệu dễ cháy tại khu vực kho chứa riêng, thông thoáng, cách xa nguồn lửa, nguồn nhiệt.
- Trang bị bình chữa cháy cầm tay ở các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao;
- Cán bộ phụ trách thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng các thiết bị điện;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng của các bình chữa cháy và sạc lại đầy bình khi sử dụng. Đảm bảo các thiết bị PCCC luôn trong tình trạng hoạt động tốt;
- Bố trí thêm các thùng cát dự trữ để kết hợp chữa cháy khi có sự cố;
- Lắp các biển cảnh báo khu vực có nguy cơ cháy nổ cao: khu sửa chữa, kho chứa chất thải nguy hại,...

➤ **Tại nạn giao thông**

- Các phương tiện đi lại của công nhân trong cơ sở được sắp xếp gọn gàng, trật tự;
- Quy định lối vào và lối ra tại khu vực đỗ xe;
- Có kế hoạch nhập nguyên, vật liệu vào dự án và xuất kho hợp lý, tránh giờ vào ca và tan ca của công nhân.

➤ *Đối với bể tự hoại:*

- Tránh bỏ các vật dụng, chất thải khó phân hủy vào bể xí nhằm gây tắc nghẽn đường ống dẫn;
- Thường xuyên hút bể tự hoại theo định kỳ 6 tháng/lần;
- Ông thoát khí bể tự hoại phải đảm bảo được thông thoáng, tráng tắc đường ống thoát khí gây mùi hôi trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

➤ *Tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội*

Để khắc phục một số tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí biển báo tại khu vực cổng ra vào dự án. Trong trường hợp cần thiết bố trí người giám sát, điều tiết giao thông tại công trường khi có xe vận chuyển ra vào;
- Hạn chế các phương tiện ra vào cùng một lúc, tập trung vào một thời điểm, đặc biệt là các khung giờ cao điểm;
- Các phương tiện vận chuyển phải thực hiện đúng nội quy;
- Nhân viên phải có giấy khám sức khỏe mới nhất làm việc do cơ quan y tế cấp đề đảm bảo không gây nguy cơ phát sinh dịch bệnh tại khu vực.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Dự toán kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường

Để đảm bảo thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra, báo cáo xin đề xuất tóm tắt dự toán kinh phí thực hiện cho các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn và tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành theo bảng sau:

Bảng 4. 15 Tóm tắt dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công

trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Các công trình, biện pháp BVMT	Kế hoạch thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
Giai đoạn thi công		
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động trong thời gian thi công	Giai đoạn thi công	1.000.000
Giai đoạn hoạt động của dự án		
- Kinh phí quan trắc môi trường	Giai đoạn hoạt động	10.000.000/năm
- Kinh phí thu gom chất thải	Giai đoạn hoạt động	10.000.000/năm

- Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các công tác bảo vệ môi trường của dự án trong suốt giai đoạn xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động.
- Chủ dự án sẽ giám sát tất cả các hoạt động của đơn vị thi công (có hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư) khi thực hiện thi công tại khu vực dự án.
- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, nhân viên làm việc tại khu vực dự án.
- Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng hạ tầng các công trình bảo vệ môi trường theo đúng thiết kế và theo kế hoạch.

4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

❖ **Giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng**

Chủ dự án thỏa thuận với đơn vị thi công (nhà thầu) để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Đồng thời chủ dự án sẽ giám sát các hoạt động của đơn vị thi công trong công tác bảo vệ môi trường.

❖ **Giai đoạn hoạt động**

- Chủ đầu tư trực tiếp: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.4.1. Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá các tác động môi trường của Dự án đến các đối tượng chịu tác động đều tuân thủ theo một trình tự:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án;
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động;
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gốc tác động, quy mô không gian, thời gian, tính nhạy cảm của đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ hoạt động của dự án mà còn được xem xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường đối với các tác động này.

Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố một cách khả thi.

4.4.2. Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Độ tin cậy của các đánh giá tác động môi trường liên quan đến chất thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 16 Mức độ tin cậy của các đánh giá

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Diễn giải
1	Khi thải từ hoạt động giao thông vận tải	Định lượng tác động. Hệ số ô nhiễm do Tò chức Y tế Thế giới (WHO) và UNEP thiết lập	Trung bình	Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
2	Nước thải sinh hoạt	Định lượng tác động. Tham khảo TCVN 33:2006	Cao	Xác định thành phần và tính chất nước thải. Định lượng tải lượng và nồng độ nước thải phát sinh. Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

				dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể)
3	Chất thải rắn	Tham khảo khối lượng phát sinh thực tế từ tài liệu của WHO. Sử dụng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Cao	Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể)
4	Đánh giá các sự cố, rủi ro của dự án	Tổng hợp tài liệu nghiên cứu các sự cố có khả năng xảy ra trong kinh doanh và các giải pháp thực hiện hiệu quả	Trung bình	Đánh giá định tính

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của công nhân, lưu lượng 0,45 m³/ngày.

5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa khi dự án đi vào vận hành là 0,45 m³/ngày.đêm.

5.1.3. Dòng nước thải

Chủ dự án đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải sau bể tự hoại của dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 và thoát ra công thoát nước chung của khu vực.

5.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 5. 1 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A, K=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	36
3	TSS	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	3.000

5.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Khu vực xả nước thải: cống thoát nước chung khu vực
- Phương thức xả thải: Tự chảy, 24/24.
- Tọa độ: X= 1142541; Y=588408 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 3°).

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Các nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Vì vậy, chủ dự án không xin cấp phép khí thải.

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: cơ sở có phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các nguồn sau:
 - + Nguồn số 1: Khu vực nhà xưởng
 - + Nguồn số 2: Khu vực nhập, xuất hàng
- Vị trí phát sinh tiếng ồn:
 - + Nguồn số 1: X=1142508; Y=588454.
 - + Nguồn số 2: X=1142513; Y=588416
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: theo QCVN 26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	không	Khu vực thông thường

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h đến 21h	Từ 21h đến 6h		

1	70	60	Không	Khu vực thông thường
---	----	----	-------	----------------------

5.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

5.4.1. *Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:*

a. *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên*

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	Rắn	18 02 01	5
4	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	Lỏng	15 01 07	5
5	Chai thuốc bảo vệ thực vật-xịt muỗi, kiến,...(đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	Rắn	18 01 03	10
Tổng khối lượng				35

b. *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:* bị thải

bỏ, hư hỏng và dụng cụ hư hỏng (sọt) khoảng 2kg/ngày.

c. *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:*

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên tại xưởng khoảng 5 kg/ngày. Gồm: thực phẩm dư thừa, bao gói đựng thức ăn, thức uống, các hợp chất hữu cơ không có khả năng phân hủy sinh học như nhựa, plastic, PVC...

5.4.2. *Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:*

a. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại*

Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng 15 lít, bên ngoài thùng được dán tên, mã

chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vị trí đặt phía Bắc nhà xưởng. Mặt sàn là nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che, cách nhiệt, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 thùng 60-240 lít

Khu vực chứa trong nhà: diện tích 3 m², nền bê tông.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng 60-240 lít

Khu vực chứa: diện tích 2 m², nền bê tông, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom hàng ngày.

**CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VÀN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN**

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Căn cứ vào điểm d, khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022 ND-CP, dự án chỉ bố trí bể tự hoại là đối tượng thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Vì vậy, Chủ dự án sẽ không thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc nước thải:

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí – tại vị trí thoát vào cống thoát nước khu vực
- + Số lượng: 01 mẫu/đợt.
- + Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, sunfua, amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần (theo khoản b, điểm 3, điều 97 của Nghị định 08/2022/ND-CP)

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Lưu lượng xả thải lớn nhất của dự án là 0,45 m³/ngày.đêm

Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Bảng 6. 1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án

Sst	Chương trình giám sát	Nội dung
II	Nước thải	
1	Số điểm giám sát	01
2	Vị trí giám sát	tại vị trí thoát vào cống thoát nước khu vực
3	Thông số giám sát	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, sunfua, amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng coliform
4	Quy chuẩn so sánh	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2
5	Tần suất giám sát	06 tháng/lần
III	CTR, CTNH	
1	Khu vực giám sát	Khu vực chứa chất thải
2	Thông số giám sát	Thành phần, khối lượng, chứng từ thu gom và hợp đồng thu gom, xử lý chất thải
3	Tần suất giám sát	Thường xuyên, liên tục

❖ Thực hiện Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường tuân theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể được tóm tắt như sau:

- + Tần suất: 01 năm/lần.
- + Mẫu báo cáo: thực hiện theo mẫu Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- + Nơi nhận: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cao Lãnh và lưu tại Công ty.

- + Thời gian nộp báo cáo: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm giai đoạn vận hành của dự án được thống kê trong bảng sau:

Bảng 6. 2 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Nội dung	Thời gian quan trắc	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
- Nước thải sau xử lý	2 lần/năm	1.000.000
- Chi phí khác	1 năm	1.000.000
TỔNG		2.000.000

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu xin cam kết:

- Cam kết những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Cam kết vận hành hệ thống thu gom và đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2 trước khi xả thải vào cống thoát nước khu vực.
- Cam kết thu gom, phân loại và hợp đồng với các đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH phát sinh, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6574152720

Chứng nhận lần đầu: ngày 11 tháng 9 năm 2017

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND-HC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu – Cao Lãnh của Công ty Cổ phần hóa nông AHA.

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu –Cao Lãnh.

Xét đề nghị số 36/ĐN.CNĐKĐT-HTĐT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Trưởng phòng Hợp tác Đầu tư.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG THÁP

Chứng nhận nhà đầu tư:

Tên nhà đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÂU;**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402074490 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà: **TRƯƠNG CẨM CHÂU**

Sinh ngày: 30/10/1961; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số: 310257659;

Ngày cấp: 03/03/2010;

Địa chỉ thường trú: số 24, tổ 1, ấp 3, xã An Hữu, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp



Chỗ ở hiện nay: số 24, tổ 1, ấp 3, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0932 999 555;

Chức vụ: Giám đốc.

Đàng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: NHÀ MÁY XỬ LÝ NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH CÀM CHÂU – CAO LÃNH.

2. Mục tiêu đầu tư dự án: thu mua, sơ chế, chế biến xuất khẩu trái cây; hoạt động dịch vụ nông nghiệp – kinh tế vườn, tư vấn kỹ thuật công nghệ cao, quản lý kỹ thuật.

3. Quy mô, công suất: 10.000 tấn trái cây/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: chợ đầu mối trái cây xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 3.575 m², trong đó có kho hiện hữu diện tích 1.361m² (đất và tài sản trên đất do Nhà nước quản lý).

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho nhà đầu tư thuê đất không thông qua đấu giá và trả tiền thuê đất hàng năm.

6. Tổng vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 80% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm, kể từ ngày được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Hoàn chỉnh thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng trong tháng 6 năm 2017;

- Từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017: tiến hành sửa chữa nhà kho hiện hữu;

- Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017: tiến hành lắp ráp máy móc thiết bị;

- Dự án hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 01 năm 2018.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% (mười bảy phần trăm) trong thời gian 10 (mười) năm theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo, theo quy định tại khoản 3, điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ và khoản 3, điều 15 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.



2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu hàng hoá để tạo tài sản cố định của Dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất:

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất và miễn tiền thuê đất 07 (bảy) năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2, điều 19 và điểm b, khoản 3, điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

- Về hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào ngân sách Nhà nước và được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 13 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Việc xác định và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp được thực hiện tại thời điểm có quyết định cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai (khoản 3, điều 3 Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ).

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện thủ tục ký quỹ để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 3, điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ, mức ký quỹ là 225.000.000 đồng.

3. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.2 kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án.

4. Thực hiện báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo các nội dung quy định tại khoản 10, điều 68 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty Cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Cẩm Châu được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: TC, CT, TN&MT, NN&PTNT, XD;
- Cục Hải quan Tỉnh;
- Cục Thuế Tỉnh;
- UBND H. Cao Lãnh;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.HTĐT (T).

GIÁM ĐỐC



Trương Hòa Châu

Số:



754517

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ trụ sở: Số 11 đường Võ Trường Toản, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0277 852866

Fax:

Email: skhdt@dongthap.gov.vn

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CÀM CHÂU

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 1402074490

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm	4632
	Chi tiết: Thu mua trái cây để chế biến xuất khẩu.	
2	Chế biến và bảo quản rau quả	1030(Chính)
	Chi tiết: Chế biến trái cây xuất khẩu.	
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
	Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật công nghệ cao, quản lý kỹ thuật.	

Nơi nhận:

-CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CÀM CHÂU. Địa chỉ: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

-Lưu: Nguyễn Đình Phương Uyên.....



Nguyễn Đình Phương Uyên

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đồng Tháp, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Số:



7545/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Đồng Tháp
Địa chỉ trụ sở: Số 11 đường Võ Trường Toản, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh
Đồng Tháp, Việt Nam
Điện thoại: 0277 852866 Fax:
Email: skhdt@dongthap.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM
CHÂU

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 1402074490

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh
doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Thu mua trái cây để chế biến xuất khẩu.	4632
2	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến trái cây xuất khẩu.	1030(Chính)
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật công nghệ cao, quản lý kỹ thuật.	7490

Nơi nhận:

- CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG
NGHỆ CAO CẨM CHÂU. Địa chỉ: Chợ
đầu môi trái cây Mỹ Hiệp, Xã Mỹ Hiệp,
Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt
Nam

Lưu: Nguyễn Đình Phượng Uyên.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đình Phượng Uyên

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TỈNH ĐỒNG THÁP

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1402074490

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 08 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CÀM CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0932 999 555

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Bảng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG CẨM CHÂU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 310257659

Ngày cấp: 03/03/2010

Nơi cấp: Công an Tiền Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24, tổ 1, ấp 3, Xã An Hửu, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 24, tổ 1, ấp 3, Xã An Hửu, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đình Phương Uyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG BÁN TÀI SẢN THANH LÝ

Số: 09 /HĐ-BTSTL

Căn cứ các quy định, pháp luật nhà nước về việc kí kết hợp đồng.

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu – Cao Lãnh của Công ty Cổ phần Hóa nông AHA.

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu – Cao Lãnh.

Căn cứ Công văn số 395/UBND-HC ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục thanh lý tài sản trên đất (Trung tâm xử lý, bảo quản trái cây).

Hôm nay, ngày 11 tháng 5 năm 2020, chúng tôi gồm có:

**Bên A (Bên bán): BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
HUYỆN CAO LÃNH**

- Địa chỉ: Đường 30/4, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277 3821072 - Fax: 02773 821721
- Mã số thuế: 1400529826
- Số tài khoản: 3751.0.1087562.00000 - Tại: Kho bạc Nhà nước Cao Lãnh
- Đại diện: Ông Trần Thiện Chí; Chức vụ: Phó Giám đốc

**Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ
CAO CẨM CHÂU**

- Địa chỉ: số 24, tổ 1, ấp 3, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại: 0978 333 300 - Fax: 073 821147
- Mã số thuế:

- Số tài khoản:
 - Đại diện: Ông (Bà) **Trương Cẩm Châu**; Chức vụ: Giám đốc
- Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: TÊN HÀNG HÓA

Bên A đồng ý bán tài sản thanh lý cho bên B chi tiết như sau: 01 nhà kho với kết cấu nền láng xi măng, cột BTCT, xà gỗ thép, mái to lóng vuông, tường xây gạch.

Điều 2: GIÁ TRỊ THANH TOÁN

Giá trị nhà kho (theo Quyết định 611/QĐ-UBND-HC ngày 12/6/2017) là: **1.485.388.800 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm đồng).**

Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn do bên A cung cấp và nhận bàn giao nhà kho theo quy định.

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

Trách nhiệm của Bên A:

Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B nhận nhà kho.

Trách nhiệm của Bên B:

Thanh toán đúng theo Điều 2 của hợp đồng.

Điều 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết. Không bên nào được tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, nếu có, phải báo trước và được sự chấp thuận của bên kia bằng văn bản.

Các điều kiện, điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Khi có thay đổi, phải có quy định bằng văn bản cụ thể. Mọi vi phạm nếu không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ chuyển Tòa Án huyện Cao Lãnh xét xử theo pháp luật. Quyết định của Tòa Án là quyết định cuối cùng có hiệu lực bắt buộc với cả hai bên

Điều 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 09/ 6/ 2020

Hợp đồng này được thành lập 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Khi bên A bán giao xong tài sản và bên B chuyển đủ tiền thanh toán cho bên A với số tiền 1.485.388.800 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm đồng), nếu không bên nào vướng mắc thì hợp đồng được xem như đã thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A *MM*



Trần Thiện Chí

ĐẠI DIỆN BÊN B

Heavy Corn Chew



CM 737728

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CẨM CHÀU

Giấy CNĐKDN số 1402074490 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/8/2017

Địa chỉ: Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp



Loại được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
g bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
g Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 102, từ bản đồ số: 16.
b) Địa chỉ: xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
c) Diện tích: 3575,1 m² (bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi lăm phẩy một mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/12/2066.
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 5 năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

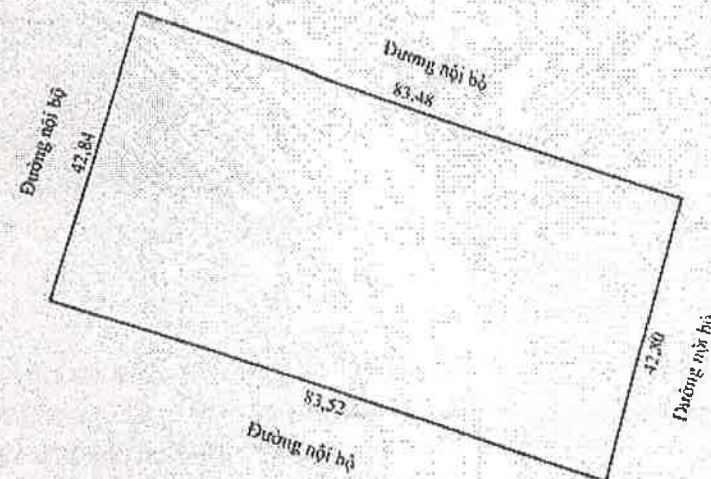
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thiện Nghĩa

Số vào sổ cấp GCN: CT06756

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 135 /QĐ-UBND-NĐ

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu gia hạn tiến độ sử dụng đất để thực hiện dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu - Cao Lãnh, tọa lạc xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho gia hạn thời hạn sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2023 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cao Lãnh;

Căn cứ Thông báo số 1548-TB/VPTU ngày 18/10/2023 của Thường trực Tỉnh ủy về việc xác định thời gian ảnh hưởng của dịch Covid-19 thuộc trường hợp bất khả kháng và chủ trương hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 151/UBND-ĐTQH ngày 23/10/2023 của UBND Tỉnh về thời gian ảnh hưởng của dịch Covid-19 thuộc trường hợp bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 192/UBND-ĐTQH ngày 10/6/2024 của UBND Tỉnh, về gia hạn tiến độ thực hiện dự án Nhà máy xử lý nông sản thu hoạch Cẩm Châu tại huyện Cao Lãnh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu gia hạn tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án Nhà máy xử lý nông sản thu hoạch Cẩm Châu, với diện tích 3.575,1m² thửa đất số 102, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh (được UBND Tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 362/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/12/2017). Thời gian gia hạn hoàn thành dự án và đi vào hoạt động là 06 tháng (thời điểm gia hạn kể từ ngày UBND Tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 192/VPUBND-ĐTQH ngày 10/6/2024).

- Khi hết thời gian gia hạn mà Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu không hoàn thành dự án theo tiến độ được gia hạn hoặc triển khai thực hiện dự án không đúng mục tiêu, quy mô đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Nhà nước có quyền thu hồi đất mà không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

1. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu có trách nhiệm khẩn trương thực hiện dự án và đưa vào hoạt động trong thời gian được gia hạn và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với thời gian được gia hạn.

Trường hợp Công ty triển khai thực hiện dự án không đúng mục tiêu, quy mô đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hết thời gian gia hạn mà Công ty không hoàn thành dự án, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, tham mưu UBND Tỉnh thu hồi đất theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thời gian được gia hạn của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu cho Cục Thuế Tỉnh để ban hành thông báo nộp tiền thuê đất đối với thời gian gia hạn, làm cơ sở để Công ty thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

3. Cục Thuế Tỉnh có trách nhiệm rà soát, ban hành thông báo cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu nộp tiền thuê đất đối với thời gian được gia hạn, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

4. Giao UBND huyện Cao Lãnh theo dõi việc nhà đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan; đôn đốc nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ được cấp thẩm quyền chấp thuận.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, giám sát nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ và quy hoạch được phê duyệt; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng gửi UBND Tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cao Lãnh, Chủ tịch UBND xã Mỹ Hiệp và Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Cẩm Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *MM*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, NC/ĐTQH (KC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất
cho tài sản thanh lý (Trung tâm xử lý, bảo quản trái cây
chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp)

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu - Cao Lãnh của Công ty Cổ phần Hóa nông AHA;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch Cẩm Châu - Cao Lãnh;

Thực hiện Hợp đồng bán tài sản thanh lý ngày tháng 5 năm 2020 giữa Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cao Lãnh và Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Cẩm Châu.

Hôm nay, vào lúc 10 giờ ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Trung tâm xử lý, bảo quản trái cây chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, thành phần gồm có:

1. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất (bên giao tài sản):

- Ông: Trần Thiện Chí, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất.

- Ông: Huỳnh Văn Hạo, Viên chức Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất.

2. Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Cẩm Châu (bên nhận tài sản):

- Bà: Trương Cẩm Châu, sinh năm 1961, chức vụ: Giám đốc Công ty,

Địa chỉ: số 24, tổ 1, ấp 3, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Hai bên thống nhất giao, nhận tài sản thanh lý cụ thể như sau:

Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cao Lãnh giao cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Cẩm Châu 01 nhà kho với kết cấu nền láng xi măng, cột BTCT, xà gồ thép, mái tol sóng vungong, tường xây gạch với tổng diện tích là 1.440m², tổng giá trị thanh toán là: 1.485.388.800 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm đồng).

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày. Các bên cùng thống nhất ký tên./.

Bên nhận tài sản

Ban QLDA&PTQĐ

Người lập biên bản

Trương Cẩm Châu

Trần Thiện Chí

Huỳnh Văn Hạo

Chứng từ giao dịch
Giấy nộp tiền Cash deposit slip

Số Na: _____ Ngày Dn: 08/06/2020

Mẫu số 01GTXKT/2025 Liên 2, Giao khách hàng Copy 2, Customer's copy

Ký hiệu Invoice slip: _____ Số HD Invoice No: _____
TRƯỜNG CAO CHAU

Tên người nộp Invoice Name: _____ Số 310257659

Số CCCD/CMTND/Hộ chiếu: _____ Số 310257659

Địa chỉ Address: _____

Tên người nhận/Đơn vị nhận Beneficiary Name: _____ CTY CP NN CÔNG NGHỆ CAO CAM CHAU

Số TK ghi Có Credit Account No: _____ VIETINBANK - CN TÂY TIÊN GIANG - PGD AN HUU

Tại Ngân hàng With Bank: _____

Số CCCD/CMTND/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp Date of issue: _____

Nơi cấp Place of issue: _____ Điện thoại Contact number: _____

Địa chỉ Address: _____

Số tiền bằng số Amount in figure: 1,500,000,000 VND

Số tiền bằng chữ Amount in words: Một tỷ năm trăm triệu đồng.

Phí ngân hàng fee: _____ ☐ Phí trong Including ☐ Phí ngoài Excluding

Nội dung Remarks: _____

Bảng kê loại tiền Cash denomination slip		
Mệnh giá Denomination	Số tờ Quantity	Thành tiền Amount
500,000 VND	3000	1,500,000,000
Total		1,500,000,000 VND

NH. TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH TÂY TIÊN GIANG
ĐÃ THU TIỀN

Mẫu số 01GTXKT/2025

Người nộp tiền Depositor: _____
Chữ ký/ họ tên Signature & full name: _____

Giao dịch viên Teller: _____
Kiểm soát viên Supervisor: _____

Cảm ơn Quý KH đã sử dụng DV của VietinBank

Chứng từ giao dịch
Ủy nhiệm chi Payment order

Số Na: _____ Ngày Dn: 27/07/2020

Mẫu số 01GTXKT/2027 Liên 2, Giao khách hàng Copy 2, Customer's copy

Ký hiệu Invoice slip: _____ Số HD Invoice No: _____

Người/Đơn vị trả tiền Applicant Name: CTY-CP-NN CÔNG NGHỆ CAO CAM CHAU

Số TK ghi Nợ Debit Account No: 115002856524

Địa chỉ Address: _____

Người/Đơn vị hưởng Beneficiary Name: XBNH CAO LANH - DONG THAP

Số TK ghi Có Credit Account No: _____

Địa chỉ Address: _____

Số CCCD/CMTND/Hộ chiếu: _____

Số tiền bằng số Amount in figure: 32,533,410 VND

Số tiền bằng chữ Amount in words: Ba mươi hai triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm mười đồng.

Phí ngân hàng fee: _____ ☐ Phí trong Including ☒ Phí ngoài Excluding

Nội dung Remarks: MOP NSNN

Nơi cấp Place of issue: _____

Mẫu số 01GTXKT/2027

Ký loan trưởng chi nhánh: _____
Chữ ký/ họ tên và dấu (nếu có) Signature & full name & stamp

Chủ tài khoản Account holder: _____

Giao dịch viên Teller: _____

Kiểm soát viên Supervisor: _____

42,70 m

60,09 m

82,60 m

SÂN SAU

SÂN TRƯỚC

SÂN CỎ
MÁI
CONSOLE

KHO GIỮA
1200M²

SÂN CỎ
MÁI
CONSOLE

KHU VΣ
LÀM VIỆC

KHU VΣ
BẢO VỆ

